



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI**  
**VIỆN KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ**



# **PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG**

ThS. Nguyễn Thị Thúy Hằng  
Viện Kinh tế và Quản lý, Trường ĐH Bách khoa Hà Nội  
Email: [hang.nguyenthithuy@hust.edu.vn](mailto:hang.nguyenthithuy@hust.edu.vn)

# Chương 5

## HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

5.1

- Hiến pháp

5.2

- Ngành luật hành chính

5.3

- Ngành luật dân sự

5.4

- Ngành luật hình sự

5.5

- Ngành luật lao động

5.6

- Ngành luật kinh tế

5.7

- Lĩnh vực pháp luật sở hữu trí tuệ

# HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

- Hệ thống pháp luật là cơ cấu bên trong của pháp luật, thể hiện sự thống nhất nội tại của các quy phạm pháp luật và sự phân chia một cách khách quan các quy phạm pháp luật trong hệ thống ấy thành các ngành luật và chế định pháp luật phù hợp với tính chất, đặc điểm của các quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh.
- Hệ thống pháp luật Việt Nam bao gồm các ngành luật cụ thể.

## 5.1 NGÀNH LUẬT HIẾN PHÁP

Hiến pháp là một đạo luật cơ bản do cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ban hành, quy định việc tổ chức nhà nước, cơ cấu, thẩm quyền các cơ quan nhà nước trung ương và quyền cơ bản của con người. Mọi cơ quan và tổ chức có nghĩa vụ tuân thủ Hiến pháp.

Hiến pháp 1946 (9/11/1946) : gồm 7 chương, 70 điều

HP 1959 (HP sửa đổi – 31/12/1959): 10 chương, 112 điều

HP 1980 (18/12/1980): 12 chương, 147 điều

HP 1992 (14/4/1992 – sửa đổi bổ sung 2001): 12 chương, 147 điều

HP 2013 (28/11/2013 – có hiệu lực 1/1/2014): 11 chương, 120 điều

## 5.1 NGÀNH LUẬT HIẾN PHÁP

### ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH

Đối tượng điều chỉnh: những quan hệ xã hội quan trọng liên quan đến việc tổ chức quyền lực nhà nước.

Qua việc tổ chức quyền lực nhà nước này mà pháp luật xác lập nên chế độ chính trị.

Phương pháp điều chỉnh:  
Định nghĩa, bắt buộc, quyền uy



# 5.1 NGÀNH LUẬT HIẾN PHÁP

## CÁC CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN

### Chế độ chính trị

- Là hệ thống những nguyên tắc thực hiện quyền lực nhà nước
- Là chế định của Hiến pháp, làm nền tảng cho các chương sau của Hiến pháp như bản chất nhà nước, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản...

### Chế độ kinh tế

- Những quan hệ kinh tế chủ yếu tạo thành cơ sở kinh tế của nhà nước
- Bao gồm: chính sách phát triển kinh tế, quan hệ về sở hữu, quan hệ sản xuất, quan hệ về tổ chức quản lý nền kinh tế quốc dân....

### Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

- Quyền: trong lĩnh vực chính trị, tự do cá nhân, trong lĩnh vực văn hóa xã hội
- Nghĩa vụ: bảo vệ tổ quốc, đóng thuế cho nhà nước, tôn trọng hiến pháp và pháp luật

Bộ máy nhà nước; văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ; bảo vệ Tổ quốc



## 5.2 NGÀNH LUẬT HÀNH CHÍNH

Luật Hành chính là hệ thống các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành điều chỉnh những quan hệ xã hội mang tính chất chấp hành và điều hành phát sinh trong hoạt động của các cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội khi nhà nước trao quyền thực hiện các chức năng quản lý nhà nước

## 5.2 NGÀNH LUẬT HÀNH CHÍNH

### ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH

#### Đối tượng điều chỉnh

- Những quan hệ xã hội mang tính chất chấp hành và điều hành phát sinh giữa các chủ thể tham gia hoạt động của nhà nước

#### Phương pháp điều chỉnh

- mệnh lệnh – phục tùng
- Có thể sử dụng phương pháp thỏa thuận trong 1 số trường hợp





## 5.2 NGÀNH LUẬT HÀNH CHÍNH

### CÁC CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN

#### Cơ quan hành chính

- Là những bộ phận hợp thành của bộ máy quản lý
- Được thành lập để chuyên thực hiện chức năng quản lý nhà nước (hoạt động chấp hành và điều hành, hoạt động hành pháp)

#### Cán bộ công chức

- Làm việc trong cơ quan nhà nước
- Do tuyển dụng, bầu hoặc bổ nhiệm
- Giữ một nghĩa vụ nhất định hoặc tiến hành những hoạt động cụ thể nào đó để phục vụ việc thực hiện 1 chức vụ nhất định
- Do Nhà nước trả lương theo chức vụ hoặc loại hoạt động đó

#### Vi phạm hành chính

- Là những hành vi trái pháp luật do các chủ thể của luật hành chính thực hiện 1 cách cố ý hoặc vô ý xâm hại tới các quan hệ xã hội do luật hành chính bảo vệ và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính
- Các hình thức xử lý vi phạm hành chính
- Đối tượng và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

## 5.3 NGÀNH LUẬT DÂN SỰ

Luật dân sự là tổng thể quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân nhất định trong xã hội



## 5.3 NGÀNH LUẬT DÂN SỰ

### ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH

#### Đối tượng điều chỉnh

**Quan hệ tài sản:** là những quan hệ xã hội gắn liền và thông qua 1 tài sản dưới dạng 1 tư liệu sản xuất, 1 tư liệu tiêu dùng hoặc dịch vụ tạo ra 1 tài sản nhất định

#### **Quan hệ nhân thân:**

- là những quan hệ xã hội phát sinh từ một giá trị tinh thần (giá trị nhân thân) của 1 cá nhân hay 1 tổ chức và luôn luôn gắn liền với một chủ thể nhất định. Quyền này k dịch chuyển được
- Gồm: liên quan đến tài sản và ko liên quan đến tài sản

#### Phương pháp điều chỉnh

Bình đẳng,  
thỏa thuận

Tự chịu trách  
nhiệm bằng tài sản



## 5.3 NGÀNH LUẬT DÂN SỰ

### NGUỒN VÀ HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

#### Nguồn

- Hiến pháp
- Bộ luật dân sự
- Các đạo luật và nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan
- Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên
- Một số tập quán quốc tế

#### Hệ thống

- **Phần chung** là phần quy định về nhiệm vụ, những nguyên tắc cơ bản của luật dân sự, xác định địa vị pháp lý của các loại chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự và những vấn đề chung nhất của luật dân sự như vấn đề thời hạn, thời hiệu.
- **Phần riêng** bao gồm những quy phạm pháp luật được sắp xếp thành các chế định pháp luật điều chỉnh từng mặt, từng lĩnh vực cụ thể của quan hệ pháp luật dân sự.

## 5.3 NGÀNH LUẬT DÂN SỰ

### CÁC CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN

#### 1. Tài sản và Quyền sở hữu

- Tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản.
- Quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền và có thể chuyển giao trong giao dịch dân sự, kể cả quyền sở hữu trí tuệ.
- Phân loại tài sản:

**Bất động sản** là các tài sản không di, dời được trong không gian bao gồm:

Đất đai

Nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất đai, kể cả các tài sản gắn liền với nhà, công trình xây dựng đó;

Các tài sản khác gắn liền với đất đai;

Các loại tài sản khác do pháp luật quy định

**Động sản** là những tài sản không phải là bất động sản

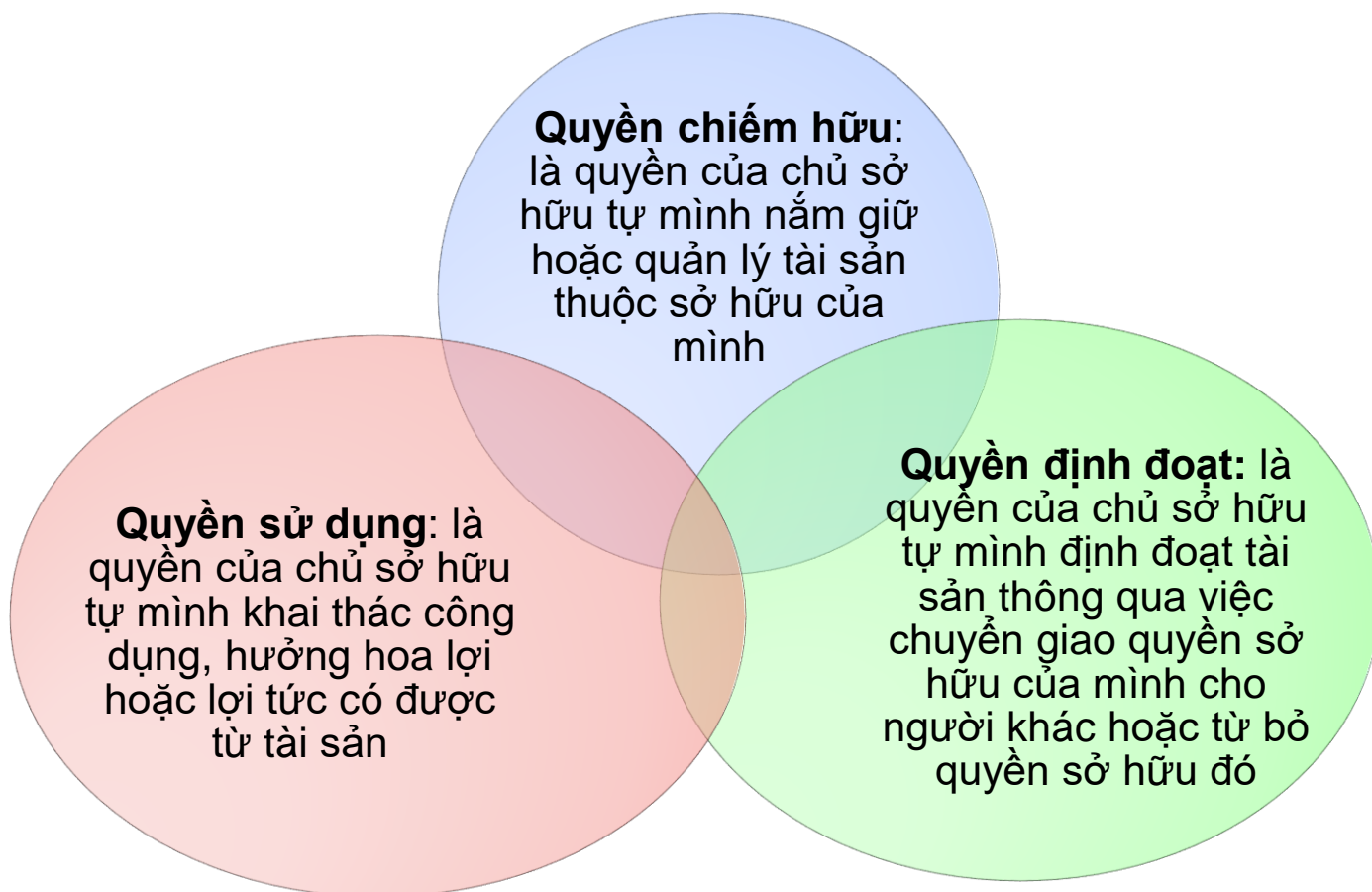


## 5.3 NGÀNH LUẬT DÂN SỰ

### CÁC CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN

#### 1. Tài sản và Quyền sở hữu (tiếp)

**Quyền sở hữu** là biểu hiện về mặt pháp lý của các quan hệ sở hữu. Đó là những quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ sở hữu là cá nhân, pháp nhân hay các chủ thể khác trong việc chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản



## 5.3 NGÀNH LUẬT DÂN SỰ

### CÁC CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN

#### 2. Hợp đồng

Hợp đồng là sự thỏa thuận có hiệu lực bắt buộc giữa các bên nhằm xác lập, thay đổi hay chấm dứt quyền, nghĩa vụ



## ĐIỀU KIỆN CÓ HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG





## 5.3 NGÀNH LUẬT DÂN SỰ - CÁC CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN

### 3. Thừa kế

**Thừa kế** là quan hệ xã hội về việc chuyển giao di sản của người chết cho những người sống

#### Người để lại di sản thừa kế

- Người mà sau khi chết có tài sản để lại cho người khác theo trình tự thừa kế

#### Di sản thừa kế

- Những tài sản riêng và phần tài sản của người chết trong khối tài sản chung với người khác trong đó bao gồm cả những quyền về tài sản của người chết

#### Người thừa kế

- Cá nhân: còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản thừa kế chết
- Tổ chức: tồn tại vào thời điểm mở thừa kế
- Người thừa kế nhận di sản của người chết thì phải thực hiện những nghĩa vụ của người chết để lại

#### Thời điểm mở thừa kế

- Thời điểm người có tài sản để lại chết

#### Địa điểm mở thừa kế

- - Nơi cư trú cuối cùng của người để lại di sản
- - Hoặc nơi có toàn bộ hoặc phần lớn di sản thừa kế nếu ko xác định được nơi cư trú cuối cùng

# CHẾ ĐỊNH THỪA KẾ (TIẾP)

## Thừa kế theo di chúc

- là việc chuyển di sản của người chết cho người sống bằng chính sự định đoạt của người có di sản theo di chúc được lập ra khi họ còn sống.
- **Di chúc** là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết
- Di chúc hợp pháp phải đảm bảo các điều kiện về:
  - Người lập di chúc
  - Nội dung di chúc
  - Hình thức di chúc

## Thừa kế theo pháp luật

- là thừa kế theo hàng thừa kế, điều kiện và trình tự thừa kế do pháp luật quy định.
- Áp dụng trong trường hợp:
  - Ko có di chúc hoặc di chúc ko có hiệu lực
  - Người được chỉ định hưởng thừa kế trong di chúc chết trước, bị tước quyền thừa kế hoặc khước từ hưởng thừa kế
- **Diện thừa kế** là phạm vi những người có quyền hưởng thừa kế xác định theo quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng giữa người thừa kế với người để lại thừa kế.
- **Hàng thừa kế** thể hiện thứ tự được hưởng di sản của những người thừa kế được pháp luật quy định thành 3 hàng.
  - Hàng thứ nhất: vợ, chồng, bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi
  - Hàng thứ 2: Ông bà nội ngoại, anh chị em ruột, cháu ruột nếu người chết là ông bà nội ngoại
  - Hàng thứ 3: cụ nội ngoại, bác, chú, cô dì, cậu, cháu ruột, chất ruột

# CHẾ ĐỊNH THỪA KẾ (TIẾP)

Nguyên tắc chia di sản (thừa kế theo pháp luật)

- Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau
- Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế nếu ko còn ai ở hàng thừa kế trước, ko có quyền hưởng di sản. bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản

Thừa kế thế vị

- Được áp dụng trong trường hợp con của người để lại di sản chết trước người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống

Thừa kế ko phụ thuộc di chúc

- Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng hoặc con đã thành niên nhưng ko có khả năng lao động của người lập di chúc được hưởng phần di sản bằng  $\frac{2}{3}$  suất của 1 người thừa kế theo pháp luật nếu di sản được chia theo pháp luật trong trường hợp họ ko được người lập di chúc cho hưởng di sản hoặc chỉ được hưởng phần di sản ít hơn  $\frac{2}{3}$  suất đó.

# DẠNG BÀI TẬP THỪA KẾ

- **1. Thời điểm mở thừa kế:** sinh viên phải trình bày chính xác theo dữ kiện đề bài nêu ra như ngày tháng năm thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có di sản để lại chết.
- **2. Chia di sản thừa kế**
- **a. Trình tự:** Trong một tình huống thì nếu có cả chia di sản theo di chúc và theo pháp luật thì chia theo di chúc trước, còn lại mới chia theo pháp luật.
- **b. Xác định di sản thừa kế:** là phần tài sản riêng của người chết và tài sản nằm trong khối tài sản chung (cách xác định tài sản riêng hay di sản thừa kế đã có hướng dẫn trong đề cương ôn tập rồi). Nếu là di sản chung sinh viên phải thực hiện phép chia cụ thể và có lập luận cụ thể (ví dụ tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung nên khi chấm dứt hôn nhân được chia mỗi người một nửa...) nếu người để lại di sản thừa kế có nghĩa vụ trong việc trả nợ hay nghĩa vụ tài chính khác thì phải trừ các khoản tiền này trước khi chia (tiền nợ, chi phí chung trong việc bảo quản sửa chữa tài sản chung, chi phí mai táng...).
- **c. Chia theo di chúc:** ưu tiên lấy di sản thừa kế chia theo di chúc trước. Trường hợp chia di sản cho những người không phụ thuộc vào nội dung di chúc: nếu phát hiện có trường hợp này thì cần chia cho những người này trước theo đúng quy định sau đó còn lại bao nhiêu mới chia theo di chúc
- **d. Chia theo pháp luật:** phải xác định những người cùng hàng thừa kế được nhận di sản (số lượng người được hưởng và lập luận vì sao?)
- **Kết luận:** số tài sản mỗi người nhận được từ người chết theo đề bài đưa ra (cộng số tiền chia theo di chúc với số tiền chia theo pháp luật nếu có). Sinh viên thường nhầm lẫn, ở đây chỉ yêu cầu xác định số tài sản nhận từ người chết chứ không bao gồm số tài sản đương nhiên của họ.

## 5.6 NGÀNH LUẬT HÌNH SỰ

.

Luật hình sự là tổng thể các quy phạm pháp luật quy định những hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm, đồng thời quy định những hình phạt tương ứng và điều kiện áp dụng các hình phạt đó




### 3.4 NGÀNH LUẬT HÌNH SỰ

## ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH

Đối tượng điều chỉnh: các quan hệ xã hội phát sinh giữa nhà nước và người phạm tội, khi người đó thực hiện hành vi mà nhà nước quy định là tội phạm

Phương pháp điều chỉnh:  
quyền uy



## 1. Tội phạm

là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm .....

**Tội phạm ít nghiêm trọng:** là tội phạm gây nguy hại ko lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến 3 năm tù

**Tội phạm Nghiêm trọng:** là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến 7 năm tù

**Tội phạm rất nghiêm trọng:** là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến 15 năm tù

**Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng:** là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên 15 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

# NGÀNH LUẬT HÌNH SỰ - CÁC CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN

## 2. Hình phạt

là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội

**Hình phạt chính:** cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo ko giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình

**Hình phạt bổ sung:** cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; phạt tiền, khi ko áp dụng hình phạt chính; trục xuất, khi ko áp dụng hình phạt chính.